

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày 17 - 04 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- N đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trụ sở: Tháp BIDV, số 194, đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Nhật T**, chức vụ: Giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Bà *Nguyễn Thị Nhật Tân ủy quyền lại cho:* Ông **Nguyễn Như D**, chức vụ: Chuyên viên quản lý của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu – PGD Trần Huỳnh, địa chỉ: Số 65A, đường Trần Huỳnh, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Hoàng Cao N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 55E/5, đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Vũ Thị Kim C**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 55E/5, đường T, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông **Vũ Tiến L**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Bà **Hoàng Thị Bích H**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện ngày 28/7/2022 và các lời khai tại Toà án, người đại diện theo uỷ quyền của N đơn là ông Nguyễn Như Duy trình bày:* Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bạc Liêu – PGD Trần Huỳnh (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Hoàng Cao N có ký kết với nhau các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021: Ngân hàng cho ông N vay 2.350.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán quần áo may sẵn; ông N đã nhận nợ ngày 09/11/2021 số tiền là 750.000.000 đồng và ngày 09/11/2021 nhận nợ số tiền 800.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay này, ông Vũ Tiến L và bà Hoàng Thị Bích H có thể chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 037456, diện tích 125.0m², thửa đất số 807, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khu dân cư Hoàng Phát, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài N và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông L và bà H đứng tên ngày 24/6/2019, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021:

Hợp đồng tín dụng số 1089/2018/8784691/HĐTD ngày 29/5/2018: Ngân hàng cho ông N vay 943.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay là 7,8%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu KIA; ông N đã nhận nợ ngày 30/5/2018 số tiền là 943.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay này, ông Hoàng Cao N có thể chấp 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, biển kiểm soát 68A – 096.74, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019128 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/5/2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/2018/878469/HĐBĐ ngày 30/5/2018.

Từ khi vay vốn đến nay ông Hoàng Cao N đã trả nợ cho Ngân hàng cụ thể như sau:

Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1089/2018/8784691/HĐTD ngày 29/5/2018 hiện nay ông N đã trả nợ xong cho Ngân hàng; 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, biển kiểm soát 68A – 096.74, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019128 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/5/2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/2018/878469/HĐBĐ ngày 30/5/2018 hiện nay đã bán để tất toán cho hợp đồng

tín dụng này. Do đó, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp này. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, không ai ép buộc.

Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021: Trước khi khởi kiện, ông N đã trả gốc được 450.000.000 đồng và đã lãi trong hạn tính đến ngày 24/5/2022 là 45.821.918 đồng và đã trả lãi quá hạn tính đến ngày 21/6/2022 là 8.023.972 đồng; sau khi khởi kiện ông N đã trả gốc được 180.000.000 đồng và hiện nay còn nợ gốc lại 920.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng này, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng các bên đã ký, ông N không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng mặc dù khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 12/4/2022 và hiện nay đã phát sinh nợ xấu (nhóm 4). Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2023 là 1.021.802.740 đồng, trong đó: Nợ gốc 920.000.000 đồng, lãi trong hạn 69.978.082 đồng và lãi quá hạn 31.824.658 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/04/2023 cho đến khi ông N thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 180.000.000 đồng ông N đã trả, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, không ai ép buộc.

- *Bị đơn ông Hoàng Cao N*: Đã được Toà án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nhưng đều vắng mặt, do đó không có lời khai tại Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Kim C trình bày*: Bà là vợ của ông Hoàng cao N, việc ông N vay vốn và thế chấp tài sản tại Ngân hàng thì bà biết và đồng ý. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện của Ngân hàng và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nêu trên. Tuy nhiên, yêu cầu được trả trong thời hạn 11 tháng (mỗi tháng trả gốc 100.000.000 đồng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Vũ Tiến L và bà Hoàng Thị Bích H*: Đã được Toà án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nhưng đều vắng mặt, do đó không có lời khai tại Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn yêu cầu ông N trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021. Buộc ông N có nghĩa vụ trả nợ cho N đơn tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2023 là 1.021.802.740 đồng, trong đó: Nợ gốc là 920.000.000 đồng, lãi trong hạn là 69.978.082 đồng và lãi quá hạn là 31.824.658 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/04/2023 cho đến khi

ông N thanh toán dứt nợ cho N đơn. Trường hợp ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho N đơn thì N đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo quy định pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của N đơn. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Cao N cư trú tại số 55E/5, đường Tôn Đức Thắng, Khóm 5, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký. Như vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa: Người đại diện của N đơn là ông Nguyễn Như Duy và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Kim C vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Hoàng Cao N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến L và bà Hoàng Thị Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thống nhất của N đơn và bà Vũ Thị Kim C (là vợ của ông N), có căn cứ xác định giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bạc Liêu – PGD Trần Huỳnh với ông Hoàng Cao N có ký kết với nhau các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021: Ngân hàng cho ông N vay 2.350.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán quần áo may sẵn; ông N đã nhận nợ ngày 09/11/2021 số tiền 750.000.000 đồng và ngày 09/11/2021 nhận nợ số tiền 800.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay này, ông Vũ Tiến L và bà Hoàng Thị Bích H có thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 037456, diện tích 125.0m², thửa đất số 807, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khu dân cư Hoàng Phát, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh

Bạc Liêu do Sở Tài N và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông L và bà H ngày 24/6/2019, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021:

Hợp đồng tín dụng số 1089/2018/8784691/HĐTD ngày 29/5/2018: Ngân hàng cho ông N vay 943.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 7,8%/tháng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu KIA; ông N đã nhận nợ ngày 30/5/2018 số tiền 943.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay này, ông N thế chấp 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, biển kiểm soát 68A – 096.74, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019128 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/5/2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/2018/878469/HĐBĐ ngày 30/5/2018.

[3] N đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông N trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1089/2018/8784691/HĐTD ngày 29/5/2018 và yêu cầu bán đấu giá tài sản bảo đảm gồm 01 (một) chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, biển kiểm soát 68A – 096.74, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019128 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/5/2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/2018/878469/HĐBĐ ngày 30/5/2018 do đã tất toán xong. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn là tự nguyện, không ai ép buộc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn yêu cầu ông N trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021, thấy rằng: Người đại diện của N đơn xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng này trước khi N đơn nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, ông N đã trả cho N đơn được số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng, lãi trong hạn tính đến ngày 24/5/2022 là 45.821.918 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 21/6/2022 là 8.023.972 đồng, sau khi khởi kiện ông N trả cho N đơn được nợ gốc 180.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định ông N đã trả nợ gốc được tổng số tiền 630.000.000 đồng và hiện nay còn nợ gốc 920.000.000 đồng. Do đó, N đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ gốc số tiền 920.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với nợ lãi, thấy rằng: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trong Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021 phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó, N đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ lãi trong hạn 69.978.082 đồng và lãi quá hạn 31.824.658 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/04/2023) là có căn cứ chấp nhận. Đối với nợ gốc 180.000.000 đồng ông N đã trả trong giai đoạn N đơn khởi kiện thì N đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ gốc 180.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn là tự nguyện, không ai ép buộc, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này.

[5] Xét yêu cầu của N đơn yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021 để thu hồi nợ trong trường hợp ông N không trả nợ cho N đơn, thấy rằng:

[5.1] Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021 đã được công chứng đúng quy định tại điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bạc Liêu đăng ký thế chấp đúng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 1 Điều 6 và Điều 19 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ tư pháp, Bộ Tài N và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

[5.2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2022 thể hiện hiện trạng tài sản thế chấp là đất trống. Quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên là tài sản của vợ chồng ông Vũ Tiến L và bà Hoàng Thị Bích H, nên ông L và bà H có quyền định đoạt đối với tài sản của mình. Tại Hợp đồng uỷ quyền xử lý tài sản bảo đảm số 439.TH/2021/8784691/HĐUQ ngày 01/6/2021 (*được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Cao Thị Niêm*), ông L và bà H đã uỷ quyền cho N đơn được xử lý quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên. Do đó, theo nội dung uỷ quyền trong hợp đồng uỷ quyền thì N đơn có quyền yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên của ông L và bà H để thu hồi nợ đối với khoản vay của ông N tại Ngân hàng.

[5.3] Như phân tích trên, có căn cứ xác định hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021 đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021 trong trường hợp ông N không trả nợ vay cho N đơn.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng: Ông N phải chịu toàn bộ. Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã nộp 600.000 đồng và đã chi hết. Buộc ông N phải nộp 600.000 đồng để hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật

dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; điểm a, b khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 1 Điều 6 và Điều 19 của Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Bộ tư pháp, Bộ Tài N và Môi trường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc yêu cầu ông Hoàng Cao N trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021.

1.1. Buộc ông Hoàng Cao N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2023 là 1.021.802.740 đồng, trong đó: Nợ gốc là 920.000.000 đồng, lãi trong hạn là 69.978.082 đồng và lãi quá hạn là 31.824.658 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/04/2023 cho đến khi ông Hoàng Cao N thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

1.2. Trường hợp ông Hoàng Cao N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật gồm tài sản cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 037456, diện tích 125.0m², thửa đất số 807, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khu dân cư Hoàng Phát, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài N và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Vũ Tiến L và bà Hoàng Thị Bích H đứng tên ngày 24/6/2019, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 439.TH/2021/8784691/HĐBĐ ngày 01/6/2021.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc yêu cầu ông Hoàng Cao N trả nợ vay gốc 180.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 439.TH/2021/8784691/HĐTD ngày 01/6/2021. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc yêu cầu ông Hoàng Cao N trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 1089/2018/8784691/HĐTD ngày 29/5/2018 và yêu cầu bán đấu giá tài sản bảo đảm gồm 01 (một) chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, biển kiểm soát 68A – 096.74, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019128 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/5/2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 144/2018/878469/HĐBĐ ngày 30/5/2018.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng: Ông Hoàng Cao N phải chịu toàn bộ. Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt

Nam đã nộp 600.000 đồng và đã chi hết. Buộc ông Hoàng Cao N phải nộp 600.000 đồng để hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Hoàng Cao N phải chịu 42.654.082 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu. Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 28.562.137 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008000 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 28.562.137 đồng (bằng chữ: Hai mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Trung